

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-PT
Ngày: 04-5-2018
“V/v Tranh chấp phân chia tài
sản chung gia đình và đòi nợ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tiến

Ông Hoàng Đức Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp phân chia tài sản chung gia đình và đòi nợ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phàn Mùi P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Phụng Mùi P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

2.2. Anh Phụng Chòi C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

2.3. Ông Phụng Quầy P, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

2.4. Anh Phụng Chòi Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

2.5. Anh Lù Văn C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

2.6. Chị Phượng Thị S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Trường mầm non xã Q, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, thị xã C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

3.2. Cụ Phượng Chìu P, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn Nậm C, xã Q, huyện X, tỉnh Hà Giang. Ủy quyền cho anh Phượng Chòi C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Nậm C, xã Quảng N, huyện X, tỉnh Hà Giang thay mặt cụ P tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang (Giấy ủy quyền ngày 16/5/2017). Vắng mặt không có lý do.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phượng Chòi H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

4.2. Bà Phượng Mùi S, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn Nậm C, xã Q, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

4.3. Ông Phượng Chòi C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn Nậm C, xã Q, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2017, tại các bản trình bày có trong hồ sơ, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Mùi P trình bày:

Năm 1993 chị Phan Mùi P kết hôn với anh Phượng Quây Q. Cũng trong năm đó tiến hành làm nhà, đến tháng 9 năm 1994 thì làm xong nhà và ra ở riêng. Gia đình chia cho vợ chồng chị P 02 con trâu và 01 con ngựa. Do không sinh được con, năm 2002 Phượng Quây Q và Phan Mùi P có nhận Phượng Mùi P là con của anh trai Phượng Quây Q về làm con nuôi. Năm 2006 Phượng Mùi P lấy Phượng Chòi C và chuyển đến ở cùng nhà với Phượng Quây Q và Phan Mùi P.

Ngày 12 tháng 02 năm 2008 Phượng Quây Q bị bệnh chết. Tài sản chung của gia đình lúc này có 01 ngôi nhà gỗ 04 gian, phần đất thổ cư làm nhà, 02 chiếc giường tiện, 01 bộ máy xay xát, 01 chiếc máy khâu, 01 bộ bàn ghế salon nan, 10 con trâu, 03 lợn con, 10 con gà, 02 chiếc xe máy, 01 cái tủ tường, 02 bộ gỗ quan tài, 04 nương chè, 01 vườn quế, 02 vườn trúc đều ở thôn Nậm Cương xã Quảng Nguyên.

Khi Phượng Quây Q chết gia đình có 05 người gồm bố anh Q tên là Phượng Chìu P, sinh năm 1940; Phan Mùi P, sinh năm 1977; Phượng Mùi P, sinh năm 1989; Phượng Chòi C, sinh năm 1988; Phượng Hồng L, sinh năm 2007 là con gái của Phượng Mùi P và Phượng Chòi C.

Năm 2013 gia đình bán 01 con trâu được 20 triệu đem gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện X, tỉnh Hà Giang do Phượng Chòi C trực tiếp đi gửi. Năm 2015 Phượng Chòi C đã rút khoản tiền này về gồm tiền gốc và lãi được 20.700.000đồng. Phượng Chòi C đã dùng khoản tiền này chi tiêu cho gia đình mình không chia cho Phàn Mùi P đồng nào.

Năm 2013 Phàn Mùi P đi lấy chồng mới ở thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang đã lấy đi 02 con trâu và 400kg thóc. Khi gia đình bán đôi quế được 06 triệu đã chia cho Phàn Mùi P 03 triệu. Ngày 12 tháng 8 năm 2015 Phàn Mùi P, Phượng Chòi C, Phượng Mùi P thống nhất phân chia tài sản gia đình. Theo biên bản thỏa thuận Phàn Mùi P được chia 01 xe máy Honda nhãn hiệu Wave RSX biển kiểm soát 23G1-02171, 03 con trâu, 15 triệu đồng tiền Phượng Thị S nợ. Tiền bán đôi quế 03 triệu đồng. Sau đó Phượng Chòi C và Phượng Mùi P chỉ trả cho Phàn Mùi P 03 con trâu. Còn cái xe máy Honda nhãn hiệu Wave RSX biển kiểm soát 23G1-02171 Phượng Chòi C đã bán được 04 triệu. Tiền đôi quế đã chia trước khi lập biên bản thỏa thuận. Số tiền Phượng Thị S nợ đến giờ vẫn chưa trả.

Về phân tài sản Phàn Mùi P đề nghị buộc Phượng Chòi C và Phượng Mùi P trả cho Phàn Mùi P 20 triệu đồng tiền gửi Ngân hàng. Còn các tài sản khác gồm 01 ngôi nhà gỗ 04 gian lợp phib rôximăng, 02 chiếc giường tiện, 01 bộ máy xay xát, 01 chiếc máy khâu, 01 bộ bàn ghế salon nan, 05 con trâu, 01 chiếc xe máy, 01 tủ tường, 04 nung chè, 01 vườn quế, 02 vườn trúc, 04 mảnh ruộng trồng lúa, 02 bộ gỗ quan tài Phàn Mùi P không lấy mà cho Phượng Mùi P và Phượng Chòi C toàn quyền sử dụng.

Về đòi nợ:

Anh Phượng Quầy P ở thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang vay 11 triệu từ năm 2007.

Chị Phượng Thị S giáo viên trường mầm non xã Q vay năm 2010 là 10 triệu đồng và năm 2012 vay 10 triệu đồng với lãi xuất 40.000đồng/1triệu/1tháng. Đã trả cả lãi và gốc vào năm 2011 và năm 2012 là 15 triệu đồng. Đến tháng 12/2015 Phàn Mùi P và Phượng Thị S thống nhất Phượng Thị S còn nợ 10 triệu đồng.

Anh Phượng Chòi Q ở thôn N vay 02 triệu từ năm 2012.

Anh Lù Văn Cong ở thôn N vay 01 triệu từ năm 2012.

Các khoản nợ này chị Phàn Mùi P đề nghị trả toàn bộ cho chị Phàn Mùi P.

Tại Đơn khởi kiện Phàn Mùi P đề nghị Phượng Mùi P và Phượng Chòi C trả cho Phàn Mùi P 50 triệu đồng. Tại phiên đối chất ngày 14/9/2017, phiên hòa giải ngày 20/9/2017 và phiên hòa giải ngày 27/10/2017 Phàn Mùi P đòi Phượng Chòi C và Phượng Mùi P phải trả cho Phàn Mùi P 80 triệu đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phượng Chòi C và là người được cụ Phượng Chòi P uỷ quyền và vợ là Phượng Mùi P thống nhất trình bày:

Khi ông Phượng Quầy Q chết gia đình có một ngôi nhà gỗ 04 gian, 400m²

đất thổ cư, 02 chiếc giường tiện, 01 bộ máy xay xát, 01 chiếc máy khâu, 01 bộ bàn ghế salon nan, 10 con trâu, 03 con lợn, 10 con gà, 02 chiếc xe máy, 02 bộ gỗ quan tài, 01 tủ tường, 04 nung chè, 01 vườn quế, 02 vườn trúc, đều ở thôn N, xã Q. Năm 2013 gia đình có bán 01 con trâu được 20 triệu giao cho anh Phụng Chòi C đem gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện X tỉnh Hà Giang. Năm 2015 anh Phụng Chòi C rút về được 700.000đồng tiền lãi. Khi chị Phàn Mùi P đi lấy chồng mới năm 2013 gia đình đã chia cho chị P 04 tạ thóc, 05 con trâu, 3.000.000đồng tiền bán đôi quế. Hiện tại gia đình còn ngôi nhà gỗ 04 gian, 02 chiếc giường tiện, 01 bộ máy xay xát, 01 máy khâu, 01 bộ bàn ghế salon nan, 03 con trâu, 01 chiếc xe dream II Trung Quốc đã hỏng, 01 tủ tường đã hỏng, 02 bộ gỗ làm quan tài, 04 nung chè, 01 vườn quế đã bán và chia cho bà Pú 3 triệu đồng, 02 vườn trúc đã lụi không còn giá trị sử dụng, 04 mảnh ruộng trồng lúa hiện tại anh Phụng Chòi C và chị Phụng Mùi P đang sử dụng trồng được 07kg giống. Tổng số tài sản của gia đình còn lại đem bán chưa đến 80 triệu. Anh Phụng Chòi C đề nghị gia đình có những tài sản gì đều phải đem ra phân chia làm 04 phần bằng nhau, gồm cụ Phụng Chòi P, Phàn Mùi P, Phụng Chòi C, Phụng Mùi P mỗi người được một phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn chị Phụng Thị S trình bày:

Tại giấy nhận nợ ngày 14 tháng 12 năm 2015 Phụng Thị S ghi nhận có vay của Phàn Mùi P cụ thể như sau: Năm 2011 là 10 triệu đồng, đã trả 08 triệu, còn nợ lại 02 triệu. Năm 2012 vay tiếp 10 triệu, đã trả 7 triệu còn nợ lại 03 triệu. Tổng số tiền chị Phụng Thị S hẹn đến ngày 06 tháng 3 năm 2016 sẽ trả cả gốc và lãi là 10 triệu nhưng sau đó chị Phụng Thị S không thừa nhận có vay tiền của chị Phàn Mùi P mà người vay tiền là chồng chị S có tên là Nguyễn Văn S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, thị xã C, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên đối chất ngày 02 tháng 11 năm 2017 hai bên cùng thống nhất chị Phụng Thị S sẽ trả khoản tiền theo Giấy nhận nợ ngày 14 tháng 12 năm 2015 là 10 triệu đồng được tính là tiền gốc và lãi xuất tính từ 01 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 11 năm 2017 là 3.800.000đồng. Tổng số tiền chị Phụng Thị S phải trả cho chị Phàn Mùi P là 13.800.000đồng. Chị Phụng Thị S hẹn chị Phàn Mùi P sẽ trả hết khoản nợ này chậm nhất là ngày 30/11/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Phụng Quỳ P trình bày:

Anh Phụng Quỳ P thừa nhận có vay nợ của gia đình chị Phàn Mùi P 11 triệu đồng từ năm 2007, đã trả lãi trong vòng hai năm từ năm 2008 đến năm 2009 thì hai bên thống nhất không lấy lãi mà chỉ trả nợ gốc, số tiền lãi là bao nhiêu thì không ai còn nhớ. Hàng năm gia đình anh P tổ chức người sang nhà chị P làm một số công không lấy tiền để thay phần trả nợ lãi. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2017 và Biên bản đối chất ngày 14/9/2017 ông Phụng Quỳ P đưa ra ý kiến là có cho Phụng Quỳ Q vay 16 cái cột nhà vào năm 1992. Nay chị Phàn Mùi P đòi tiền vay nợ thì anh P đòi tiền cột nhà để bù trừ nghĩa vụ. Chị Phàn

Mùi P không thừa nhận việc anh Phượng Quây Q vay cột nhà của anh Phượng Quây P.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2017 người làm chứng ông Phượng Chòi H, sinh năm 1956 cho biết Phượng Quây Q có mượn của Phượng Quây P 16 cái cột để làm nhà từ năm 1992, vì là anh em ruột nên việc mượn này không có thỏa thuận gì về trả nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2017 người làm chứng bà Phượng Mùi S, sinh năm 1951 (là vợ ông Phượng Quây T, là chị dâu của Phượng Quây P và Phượng Quây Q) cho biết có được chứng kiến ông Phượng Quây P và ông Phượng Quây Q cùng xẻ một cây gỗ trên rừng Nậm Là, xã Q về làm nhà. Bà S khẳng định trên thực tế không hề có việc ông P cho ông Q vay cột làm nhà mà chỉ có việc ông Q đi xẻ chung với ông P một cây gỗ và chia nhau cột về để làm nhà thì có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 10 năm 2017 ông Phượng Chòi C, sinh năm 1960 cho biết năm 1990 ông được cùng Phượng Quây P và Phượng Quây Q đi xẻ cây gỗ ở rừng Nậm Là, xã Q. Phượng Quây P lấy phần gốc của cây gỗ xẻ được 08 tấm gỗ làm quan tài, mỗi tấm dày 5cm. Phần còn lại của cây gỗ được chia cho Phượng Quây Q xẻ được 20 cái cột nhà, mỗi cái dài 2,5 sải tay. Sau đó ông C còn được kéo gỗ về nhà cho Phượng Quây Q. Gỗ kéo từ rừng về phải qua nhà ông P mới đến nhà ông Q. Năm 1993 Phượng Quây Q làm nhà ông C cũng được đi hộ làm nhà. Ông Phượng Chòi C khẳng định trên thực tế không có chuyện Phượng Quây P cho Phượng Quây Q vay 16 cái cột để làm nhà.

Tại phiên hòa giải ngày 27/10/2017 Phượng Quây P có đề nghị đưa thêm ông Phượng Chòi C, sinh năm 1958 và ông Phượng Chòi M, sinh năm 1965 đều ở thôn N, xã Q huyện X vào làm chứng vì hai người này biết việc Phượng Quây P cho Phượng Quây Q vay cột làm nhà. Ngày 30/10/2017 Tòa án nhân dân huyện X cử cán bộ đến thôn N lấy lời khai của ông Phượng Chòi C và ông Phượng Chòi M. Trưởng thôn N anh Hoàng Văn L cho biết ông Phượng Chòi C và ông Phượng Chòi M đi làm thuê tại huyện H, Tuyên Quang từ tháng 3 năm 2015 không biết địa chỉ cụ thể đến nay chưa về và cũng chưa biết khi nào về.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phượng Chòi Q trình bày:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2017, phiên đối chất ngày 14/9/2017 và phiên hòa giải ngày 20/9/2017 anh Phượng Chòi Q khẳng định số tiền 02 triệu nhận từ Phượng Mùi P là tiền mà P cho chứ không phải vay. Tại phiên hòa giải ngày 27/10/2017 Phượng Chòi Q đồng ý số tiền 02 triệu nhận từ Phượng Mùi P là tiền vay và đồng ý trả cho Phượng Mùi P.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lù Văn C trình bày:

Tại phiên đối chất ngày 14/9/2017 và phiên hòa giải ngày 20/9/2017 Phượng Chòi C và Phượng Mùi P nhất trí để cho Phan Mùi P đòi khoản nợ này và toàn quyền sử dụng. Tại phiên hòa giải ngày 27/10/2017 anh Lù Văn C thừa nhận

có được vay gia đình chị Phàn Mùi P 01 triệu đồng. Anh Lù Văn C đồng ý trả khoản nợ này.

Ngày 27/10/2017 Phàn Mùi P, Phượng Chòi Cvà Phượng Mùi P cùng thống nhất giá trị phân chia tài sản gia đình được tính thành tiền như sau: 01 ngôi nhà 04 gian làm từ năm 1994 trị giá 24.000.000đồng; phần đất thổ cư làm nhà 400 m² trị giá 10.000.000đồng; 02 giường tiện, 01 cái mua năm 1998 trị giá 200.000đồng, 01 cái mua năm 2000 trị giá 200.000đồng; 01 bộ máy xay xát trị giá 1.000.000đồng; 02 xe máy, 01 chiếc xe Dream trị giá 2.000.000đồng, 01 chiếc xe Wave RXS đã bán được 04 triệu đồng; 01máy khâu mua năm 2000 trị giá 300.000đồng; 01 bộ bàn ghế salon nan mua từ năm 1998 trị giá 500.000đồng; 10 tấm gỗ làm quan tài mua năm 2013 trị giá 2.500.000đồng; 05 con trâu trị giá 100.000.000đồng; 04 nương chè trị giá 4.000.000đồng; 01 vườn quế đã bán vỏ cây quế được 6.000.000đồng và đã chia tiền cho bà Phàn Mùi P 3.000.000đ, vợ chồng C, P 3.000.000đồng nên không tính giá trị; 02 vườn trúc đã lụi cây nên không tính giá trị; 04 mảnh đất trồng lúa trị giá 10.000.000đồng. Số tài sản Phàn Mùi P đã lấy đi gồm: 400kg thóc trị giá 2.000.000đồng; 05 con trâu trị giá 100.000.000đồng; Tiền mặt 3.000.000đồng được chia từ bán đồi quế.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2017 xác định:

Diện tích đất làm ngôi nhà 04 gian lợp phibroximăng có diện tích 400 m² thuộc thửa số 920 tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng là đất thổ cư nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phượng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998.

Bốn mảnh đất trồng lúa: Có 02 mảnh đất trồng lúa nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X, Hà Giang cấp cho hộ ông Phượng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998. Mảnh đất trồng lúa thứ nhất thuộc thửa số 920 tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng là đất lúa có diện tích 909 m². Mảnh đất trồng lúa thứ hai thuộc thửa số 921 tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng là đất lúa có diện tích 3.768 m². Còn hai mảnh đất trồng lúa còn lại không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phượng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998.

Bốn nương chè: Có 01 nương chè nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phượng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998 đã được gia đình cho anh Phượng Quỳ M quản lý sử dụng thuộc thửa số 910 tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng là đất chè có diện tích 18.714 m². Còn 03 nương chè không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phượng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998.

Một vườn quế: Không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phượng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998.

Hai vườn trúc: Không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được

Ủy ban nhân dân huyện X tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phụng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998.

* Tại bản án số 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 210, khoản 2 Điều 212, khoản 2 Điều 218, khoản 1 Điều 219, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 179 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 7 Điều 27 điểm a, điểm b tiêu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung gia đình và đòi nợ của nguyên đơn chị Phàn Mùi P.

1. Về phân chia tài sản chung gia đình:

Công nhận phần tài sản gia đình đã phân chia cho chị Phàn Mùi P gồm 05 con trâu trị giá 100.000.000đồng; 400kg thóc trị giá 2.000.000đồng; 3.000.000 đồng tiền bán một nửa vườn quế. Tổng số tài sản phân chia tính thành tiền: 105.000.000đồng (Một trăm linh năm triệu đồng).

Công nhận phần tài sản gia đình đã phân chia cho Phụng Chòi C, Phụng Mùi P và cụ Phụng Chìu P gồm 05 con trâu trị giá 100.000.000 đồng; 01 ngôi nhà 4 gian làm từ năm 1994 trị giá 24.000.000đồng; Giường tiện 02 cái, 01 cái mua năm 1998 trị giá 200.000đồng, 01 cái mua năm 2000 trị giá 200.000đồng; Máy Xay xát, 01 bộ trị giá 1.000.000đồng; Xe máy, 01 chiếc xe Dream trị giá 2.000.000đồng, 01 chiếc xe Wave RXS biển kiểm soát 23G1-021.71.03 đã bán được 04 triệu đồng; 01 máy khâu mua năm 2000 trị giá 300.000đồng; 01 bộ bàn ghế salon nan mua từ năm 1998 trị giá 500.000đồng; 10 tấm gỗ làm quan tài mua năm 2013 trị giá 2.500.000đồng; 3.000.000đồng tiền bán một nửa vườn quế. Tổng số tài sản phân chia tính thành tiền: 144.700.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Công nhận phần tài sản gia đình là quyền sử dụng đất giao cho anh Phụng Chòi Cvà chị Phụng Mùi P phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện X tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phụng Quỳ Q ngày 21 tháng 11 năm 1998 gồm: Diện tích đất làm ngôi nhà 04 gian lợp phibroximăng có diện tích 400 m² thuộc thửa số 920 tờ bản đồ số 5 mục đích sử dụng là đất thổ cư trị giá 10.000.000đồng. Đất trồng lúa thuộc thửa số 920 tờ bản đồ số 5 có diện tích 909 m² và thửa số 921 tờ bản đồ số 5 có diện tích 3.768 m² có tổng trị giá 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

Đối với khoản tiền 20.700.000đồng gồm cả gốc và lãi gửi Ngân hàng nông nghiệp huyện X được chia làm bốn phần. Phàn Mùi P được một phần là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), cụ Phụng Chìu P được một phần là

5.000.000đồng và 700.000đồng tiền lãi tổng cộng là 5.700.000(Năm triệu bảy trăm nghìn)đồng, Phượng Mùi P được một phần là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) và Phượng Chòi C được một phần là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Anh Phượng Chòi C có trách nhiệm trả cho chị Phan Mùi P 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

2. Về đòi nợ:

2.1. Buộc anh Phượng Quây P phải trả cho chị Phan Mùi P 11.000.000đồng (Mười một triệu đồng).

2.2. Buộc chị Phượng Thị S có trách nhiệm trả cho chị Phan Mùi P 13.800.000đồng (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng).

2.3. Buộc anh Lù Văn C phải trả cho Phan Mùi P 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2.4. Buộc anh Phượng Chòi Q phải trả cho chị Phượng Mùi P 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Mùi P đòi anh Phượng Chòi C phải trả cho chị Phan Mùi P 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 18 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn chị Phan Mùi P có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X đã tuyên. Việc kháng cáo của chị P là quá thời hạn quy định và lý do kháng cáo là không chính đáng. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang căn cứ vào Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ban hành Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn số: 02/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018.

* Ngày 26 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có Quyết định kháng nghị số: 01/2017/KNPT-DS ngày 26/12/2017 kháng nghị bản án số 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện X với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định sai quan hệ tranh chấp, xác định sai tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án vi phạm khoản 4 Điều 68, khoản 1, 2 Điều 101 BLTTDS không giải quyết triệt để được vụ án, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện X và chuyển hồ sơ cho TAND huyện X giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của HĐXX tại giai đoạn phúc thẩm và đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy toàn bộ bản

án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang và giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện X giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, HĐXX nhận định về nội dung kháng nghị như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang cho rằng chị Phàn Mùi P có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị và anh Phụng Quỳ Q (đã chết năm 2008), chị yêu cầu chia phần của chị trong khối tài sản chung, còn phần của anh Q để cho vợ chồng C-P (là vợ chồng con gái nuôi) sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp phân chia tài sản chung gia đình và đòi nợ*” theo khoản 2 Điều 26 BLTTDS là chưa chính xác. Căn cứ vào đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì quan hệ tranh chấp phải giải quyết là: “*Yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*” mới đúng quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với yêu cầu khởi kiện và đúng với quy định của pháp luật.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Đơn khởi kiện chị P cho rằng, chị còn có khoản nợ 29.000.000đ (*Hai chín triệu*), trong đó: Anh Phụng Quỳ P vay 11 triệu năm 2007 có giấy tờ nhưng không tìm thấy; Chị Phụng Thị S vay 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) có giấy nhận nợ ngày 14-12-2015 nhận nợ chị P 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); món vay của anh Phụng Chòi Q 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và Lù Văn C 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) không có giấy tờ. Các khoản vay trên thể hiện chị S vay riêng chị P và các khoản vay của anh Phụng Quỳ P, anh Phụng Chòi Q, anh Lù Văn C không có giấy tờ. Chị P cho rằng các khoản nợ trên Phụng Chòi C đã lấy về, chị đề nghị Tòa án buộc C-P trả lại cho chị. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Phụng Quỳ P, chị Phụng Thị S, anh Phụng Chòi Q, anh Lù Văn C là bị đơn là chưa đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS vì tại đơn khởi kiện chị P không kiện anh P, chị S, anh Q và anh C. Anh P, chị S, anh Q và anh C là người liên quan đến số tiền chị P cho vay. Vì vậy, theo quy định tại Điều 68 BLTTDS Anh P, chị S, anh Q và anh C được xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[1.3] Về việc thụ lý đơn khởi kiện: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang cho rằng đơn khởi kiện chỉ có điểm chỉ của chị Phàn Mùi P là không đúng quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

HĐXX xét thấy điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự quy định trường hợp “...*người khởi kiện không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ được thì có thể nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện và phải có người có đủ năng lực*”

tổ tụng dân sự làm chứng. Người làm chứng phải ký xác nhận vào đơn khởi kiện”. Trong vụ án này người khởi kiện không thể tự làm đơn khởi kiện nhưng họ điểm chỉ được vào đơn khởi kiện nên đơn khởi kiện của đương sự không vi phạm điểm c, khoản 2 Điều 189 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng anh chị Q-P cho tất cả các thành viên trong gia đình là không đúng theo quy định của pháp luật; Việc thu thập chứng cứ (Xem xét thẩm định chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 101 BLTTDS). HĐXX xét thấy:

[2.1] Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Phan Mùi P: chị P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của chị P và anh Q mà hiện tại Phượng Chòi C và Phượng Mùi P đang quản lý gồm 20.000.000đ tiền gửi Ngân hàng và 29.000.000đ cho anh em vay. Các phần tài sản còn lại cho Phượng Mùi P và Phượng Mùi Q. Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, chị P yêu cầu được chia 80.000.000đ tiền mặt. HĐXX xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết tranh chấp đối với nội dung yêu cầu chia tài sản của chị P. Xác nhận tài sản của chị P và anh Q lấy nhau từ năm 1994 đến năm 2008 anh Q chết thì tài sản gia đình theo chị P khai gồm có: 01 ngôi nhà gỗ 04 gian, 400m² đất thổ cư đứng tên anh Phượng Quỳ Q do UBND huyện X cấp ngày 21/11/1998, 02 chiếc giường tiện, 01 bộ máy xay xát, 01 chiếc máy khâu, 01 bộ bàn ghế salon nan, 10 con trâu, 03 con lợn, 10 con gà, 02 xe máy, 02 bộ gỗ quan tài, 01 tủ tường, 04 nung chè, 01 vườn quế, 02 vườn trúc.

Năm 2013 gia đình bán 01 con trâu được 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) giao cho Chiếm gửi Ngân hàng Nông nghiệp huyện X. Năm 2015 Crút về được 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) lãi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo sổ mờ không đọc được) do UBND huyện X cấp cho hộ anh Phượng Quỳ Q ngày 21/11/1998 tại tờ bản đồ số 5: Thửa 920 là 400 m² đất thổ cư, 909 m² đất lúa; thửa 921 là 3.768m² đất lúa; thửa số 910 là 18.714m² đất chè; thửa số 898 là 11.566m² đất màu; thửa số 912 là 7.017m² đất màu; thửa số 928 là 2.209m² đất màu; thửa số 899 là 1.129m² đất màu; thửa số 929 là 16.634m² đất vườn rừng; thửa số 927 là 8.187m² đất vườn rừng.

Cũng trong năm 2013 chị P đi lấy chồng gia đình đã chia cho chị 4 tạ thóc, 05 con trâu, 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền bán đôi quế. Hiện tại gia đình còn ngôi nhà gỗ 04 gian, 02 giường tiện, 01 máy xay xát, 01 máy khâu, 01 bộ bàn ghế salon nan, 03 con trâu, 01 chiếc xe Dream II Trung Quốc đã hỏng, 01 tủ tường đã hỏng, 02 bộ gỗ quan tài, 04 nung chè, 01 vườn quế (Đã bán và chia cho chị P 3.000.000đ), 02 vườn trúc không còn giá trị sử dụng, 04 mảnh đất trồng lúa, chị P yêu cầu được chia thêm 80.000.000đ và để lại toàn bộ tài sản để vợ chồng C-P sử dụng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Trên thực tế số tài sản chung của gia đình có được là do chị Phan Mùi P và anh Phượng Quỳ Q làm lụng tích góp từ năm 1993 đến khi anh Phượng Quỳ

Qchết năm 2008. Phụng Múi P về làm con nuôi năm 2002 khi đó mới 13 tuổi, không có tài sản riêng đóng góp vào khối tài sản chung gia đình. Phụng Chòi C về ở rể năm 2006 khi đó 18 tuổi, không có tài sản riêng đóng góp vào khối tài sản chung gia đình. Phụng Chòi C và Phụng Múi P chỉ có công duy trì số tài sản gia đình đã có. Ngoài ra, năm 1995 gia đình thống nhất giao cụ Phụng Chiu P cho chị Phàn Múi P và anh Phụng Quây Q chăm sóc nuôi dưỡng. Trước đó năm 1994 cụ Phụng Chiu P đã chia toàn bộ tài sản cho 06 người con trai, mỗi người một phần. Vợ chồng Phàn Múi P và Phụng Quây Qg khi ra ở riêng năm 1994 được cụ Phín chia cho 02 con trâu, 01 con ngựa.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm sơ thẩm đã xác định được tài sản chung của vợ chồng chị P, anh Q. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không chính xác dẫn đến việc công nhận việc chia khối tài sản chung vợ chồng của chị P và anh Q cho tất cả các thành viên trong gia đình là không đúng với quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình, tài sản chung của anh Q chị P được chia đôi mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, phần tài sản của anh Q (đã chết) là di sản thừa kế được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại Điều 651 BLDS (*trong quá trình chia di sản thừa kế các đương sự cùng hàng thừa kế có quyền thỏa thuận đối với phần di sản được thừa kế theo quy định của pháp luật*). Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhận định việc chia tài sản chung cho cụ Phàn Chiu P, Phàn Múi P, Phụng Múi P và anh Phụng Chòi C là sai quy định của pháp luật là có căn cứ.

[2.2] Về việc thu thập tài liệu chứng cứ có trong vụ án: Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng: Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 07/QĐ-XXTĐTC ngày 06-11-2017 của TAND huyện Xín Mần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với: Diện tích đất là ngôi nhà 04 gian, 04 nương chè, 01 vườn quế, 02 vườn trúc, 04 mảnh đất trồng lúa nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ anh Phụng Quây Q và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện X thể hiện xác định có 04 diện tích đất có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phụng Quây Q gồm: Thửa số 920 có 400m² đất thổ cư và 909m² đất ruộng; thửa số 921 có 3.768m² đất lúa; thửa số 910 có 18.714m² đất chè, còn lại 02 mảnh đất trồng lúa, 03 đám nương chè, 01 vườn quế và 02 vườn trúc không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định hiện do cơ quan nào quản lý. Đối với diện tích đất gồm các thửa số 898, 912, 928, 899, 929 và 927 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện X cấp cho hộ ông Phụng Quây Q ngày 21-11-1998 không thấy được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, xác định.

HĐXX xét thấy: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2017 (Bút lục 146 đến 149) đã không xem xét, thẩm định đầy đủ các tài sản là đất trồng màu và đất vườn rừng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Xín Mần cấp cho hộ ông Phụng Quây Q ngày 21-11-1998 gồm các thửa 898, 912, 928, 899, 929 và 927. Bên cạnh đó sau khi xem xét thẩm định đã xác

định có 02 mảnh đất trồng lúa, 03 nương chè, 01 vườn quế và 02 vườn trúc không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ các tài sản này có từ bao giờ, do ai đang quản lý sử dụng thực tế và có tranh chấp với ai trong suốt quá trình sử dụng không để làm căn cứ xác định có thuộc tài sản chung được công nhận để chia hay không. Do đó, việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện X là chưa đầy đủ, chưa xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ tài sản là tài sản chung của anh chị Q-P để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 101 BLTTDS quy định: “*Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, thẩm phán tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ...*”. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm chị P khai: Tất cả số nợ chị cho anh P, anh Q, anh và chị Svay với tổng số tiền là 27.800.000đ là tài sản của chị P và anh Q khi anh Q còn sống có được. Khi anh Q mất, do điều kiện nhà neo người nên đã bán bớt trâu đi và lấy tiền đó để cho vay. Như vậy, số tiền nợ là tài sản chung của vợ chồng anh chị Q- P khi anh Q còn sống gây dựng nên. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm chị P khai khi anh Q chết mẹ chồng chị là bà Phụng Mùi M còn sống và đến năm 2012 bà M chết. Đây là tình tiết mới mà tại Tòa án cấp sơ thẩm chưa đề cập đến để xác định người được hưởng thừa kế phần tài sản của anh Q theo quy định tại Điều 651, Điều 652 BLDS. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm chị P khai cháu Phụng Mùi P được nhận làm con nuôi không theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ về thủ tục nhận con nuôi không theo quy định của pháp luật thì có theo phong tục tập quán địa phương của đồng bào tại nơi chị P, cháu P sinh sống để nhận con nuôi hay không để làm căn cứ giải quyết việc Phụng Mùi P có được chia thừa kế theo quy định của pháp luật hay không là chưa đầy đủ.

[2.4] Từ những phân tích trên, xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định sai tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, chia tài sản không đúng theo quy định của pháp luật, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án, vi phạm khoản 4 Điều 68, khoản 1, 2 Điều 101 BLTTDS dẫn đến vụ án không được giải quyết triệt, khách quan, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang và giao về cho Tòa án nhân dân huyện X giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm có căn cứ pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Do HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng nghị hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang về việc “*Tranh chấp phân chia tài sản chung gia đình và đòi nợ*” giữa nguyên đơn Phan Mùi P và bị đơn Phụng Mùi P, Phụng Chòi C, Phụng Quỳ P, Phụng Chòi Qy, Lù Văn C, Phụng Thị S và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện X;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Xuân

